

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-
ST

Ngày: 04-6-2025
“V/v: Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Quang
2. Ông Ngô Tấn Huy

- Thư ký phiên tòa: Chị Nguyễn Lê Nhật Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị O, sinh năm: 1995, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1994, địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2025 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh H có hôn nhân tự nguyện, chúng tôi có đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2014 tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định.

Sau kết hôn, cuộc sống chung có xảy ra một số khúc mắc nhưng không

quá nghiêm trọng, nên vợ chồng vẫn bên nhau hạnh phúc, ổn định được khoảng 05 năm đầu. Đến tầm khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh H đánh đề, cờ bạc lâm nợ nần. Bản thân tôi cũng đã gánh trả nợ cho chồng 40 triệu. Nhận thấy áp lực nợ nần, nên từ đầu năm 2020, vợ chồng tôi thống nhất về quê sống với gia đình tôi tại Quảng Nam. Chúng tôi cùng làm chung Công ty may mặc tại huyện P. Nhưng một thời gian ngắn sau đó tôi phát hiện chồng tôi ngoại tình với một người phụ nữ cùng làm chung Công ty, bị chồng của người phụ nữ đó gọi điện hăm dọa, thế nên càng khiến cho vợ chồng thêm mâu thuẫn. Đến cuối năm 2020, anh H tự động bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại huyện V. Ban đầu chúng tôi cũng có gặp nhau, có liên lạc với nhau, nhưng kể từ năm 2021 (dịch covid) cho đến nay thì chúng tôi không còn trực tiếp chung sống với nhau. Tôi và con gái vẫn sống tại thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Còn anh H sống với cha mẹ tại khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định. Trong thời gian ly thân, chúng tôi có liên lạc nhưng mật độ thưa dần. Đến nay, tôi nhận thấy rõ ràng chúng tôi không còn tình cảm, không thể tiếp tục hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chồng tôi là anh Nguyễn Văn H1.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung, là cháu: Nguyễn Thị Quý H2 (sinh ngày: 16/7/2013), hiện nay cháu H2 đang sống với tôi. Khi ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu H2, tôi không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ hay ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Đặng Thị O, chị O được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Quý H2 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị O phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Chị Đặng Thị O khởi kiện yêu cầu: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” với anh Nguyễn Văn H; Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2]. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, những người tham gia tố tụng đều vắng mặt (Nguyên đơn chị O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh H vắng mặt không có lý do); Áp dụng: khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị O và anh H tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2014 tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm đầu, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình nghĩa vợ chồng không được xem trọng dẫn đến xảy ra khoảng cách tình cảm. Vợ chồng không còn niềm tin với nhau nhưng không có giải pháp hữu hiệu để hàn gắn, cả hai sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Tòa án đã liên hệ, thông báo, triệu tập, hòa giải để các bên đương sự có điều kiện đoàn tụ với nhau, anh H biết nhưng bỏ mặc, không thiện chí, không hợp tác. Như vậy, có cơ sở chứng minh hôn nhân của chị O và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O.

[2.2]. Về con chung: Chị O yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Quý H2 (sinh ngày: 16/7/2013); Xét thấy, bị đơn anh H không thiện chí hợp tác, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem như tự từ bỏ quyền lợi của bản thân cũng như không phản đối, không bác bỏ yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn chị O cung cấp. Xét, bản thân chị O đủ điều kiện nuôi con, cháu H2 cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích của cháu H2, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H2 cho chị O được tiếp tục trực tiếp nuôi, chị O không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời đảm bảo theo luật định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với con chung, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị O không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Các Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị O đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị O được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quý H2 (sinh ngày: 16/7/2013) cho chị Đặng Thị O được tiếp tục trực tiếp nuôi. Chị O không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không có yêu cầu nên không xét.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị O đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005069 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
(UBND TT Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh,
tỉnh Bình Định; ĐKKH: 23.01.2014)
- P. TT, KT và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đinh Thị Mai Đào